

Số: ~~2719~~/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày ~~12~~ tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng từ năm học 2021 - 2022.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan, các cán bộ, giảng viên và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *AK*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Đảng ủy, Hội đồng Trường (để b/c);
- Các Phó hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Công thông tin điện tử (để công khai);
- Lưu: VT, ĐTDH (5).

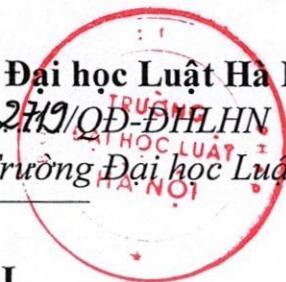
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC LUẬT
HÀ NỘI
AK
Đoàn Trung Kiên

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2719/QĐ-ĐHLHN

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)



Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Luật Hà Nội, bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập, công nhận tốt nghiệp và những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Trường”).

Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần); là bản thiết kế cho một quá trình đào tạo của một ngành (kiểu đơn ngành), trong đó có đủ các học phần bắt buộc và tự chọn, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình thể hiện rõ trình độ đào tạo, đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học, điều kiện tốt nghiệp, mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của sinh viên khi tốt nghiệp; nội dung chương trình giảng dạy; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập.

Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: Giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Hiệu trưởng ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng sinh viên khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Thời gian thiết kế và khối lượng kiến thức đối với các khóa học không kể các học phần bổ sung kiến thức, chương trình đào tạo cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa để định hướng cho sinh viên. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo đại học phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời đảm bảo sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo.

a. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy là 8 học kỳ, tương đương 04 năm học.

b. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo là 10 kỳ, tương đương 05 năm học.

c. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức liên thông dành cho người đã tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo chính quy đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy là 5 học kỳ, tương đương 2,5 năm học.

d. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức liên thông dành cho người đã tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy là 6 học kỳ, tương đương 3 năm học.

4. Sinh viên được phép hoàn thành chương trình và tốt nghiệp sớm hơn hoặc chậm hơn so với thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nhưng thời gian tối đa để sinh viên (kể cả sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non) hoàn thành khóa học được quy định không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo được quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều này.

Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo

Áp dụng kết hợp phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ cho một số khóa và áp dụng đào tạo theo niên chế cho một số khóa khác đối với các hình thức đào tạo đại học.

1. Đào tạo theo niên chế

a. Đào tạo theo niên chế được áp dụng đối với sinh viên theo học các chương trình: Chương trình liên thông dành cho người đã tốt nghiệp đại học; chương trình liên thông dành cho người tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng học liên thông lên đại học; chương trình đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học;

b. Phương thức tổ chức đào tạo được triển khai theo lớp học tương đối cố định đối với tất cả các học phần bắt buộc của chương trình đào tạo trong toàn khóa học, cho phép sinh viên cùng lớp thực hiện theo kế hoạch học tập chuẩn và theo một thời khóa biểu chung trừ những học phần tự chọn hoặc học lại; *fa*

c. Sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường sẽ được học tiếp năm sau theo kế hoạch học tập chuẩn và đăng ký học lại những học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo;

d. Sinh viên được đánh giá không đạt tiến độ học tập bình thường sẽ phải học cùng sinh viên khóa sau để học lại các học phần chưa đạt trong chương trình đào tạo theo quy định.

2. Đào tạo theo tín chỉ

a. Đào tạo theo tín chỉ được áp dụng đối với sinh viên theo học các chương trình không thuộc điểm a, khoản 1 Điều này;

b. Phương thức tổ chức đào tạo được triển khai theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

c. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

d. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 4. Hình thức đào tạo:

1. Đào tạo chính quy:

a. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại trụ sở chính, cơ sở đào tạo, Phân hiệu của Trường; đối với hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo;

b. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Bảy; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định chung của Trường.

2. Đào tạo vừa làm vừa học:

a. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại trụ sở chính, cơ sở đào tạo, Phân hiệu của Trường hoặc tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo theo quy định chung về liên kết đào tạo; đối với các hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo, cơ sở phối hợp liên kết đào tạo;

b. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy được thực hiện linh hoạt trong ngày và trong tuần từ thứ Hai đến Chủ nhật.

Điều 5. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Mỗi học phần có mã số riêng và được bố trí giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ. Một học phần có thể được sử dụng trong nhiều chương trình đào tạo với cùng khối lượng và nội dung hoặc có khối lượng và nội dung ít hơn theo quy định của từng chương trình đào tạo. Có hai loại học phần: Học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết mà sinh viên được chọn theo số tín chỉ quy định nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo. Sinh viên tự chọn các học phần tự chọn để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

2. Tín chỉ là đơn vị quy chuẩn dùng để lượng hoá khối lượng kiến thức và khối lượng học tập, giảng dạy trong quy trình đào tạo. Tín chỉ cũng là đơn vị để đo lường tiến độ học tập của sinh viên, đánh giá dựa trên số lượng tín chỉ sinh viên đã tích lũy được.

Một tín chỉ được tính bằng 15 giờ tín chỉ, tương đương 50 giờ học tập định mức của sinh viên, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

3. Đối với hoạt động giảng dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ học trên lớp được tính bằng 50 phút.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

Kế hoạch giảng dạy và học tập của Trường được tổ chức đào tạo theo năm học. Mỗi năm học gồm 2 (hai) học kỳ chính, 1 (một) học kỳ phụ.

Học kỳ chính được bố trí 20 (hai mươi) tuần, trong đó bao gồm 15 tuần học, 1 tuần dự trữ và 4 tuần thi.

Học kỳ phụ được tổ chức theo yêu cầu của người học và khả năng bố trí giảng viên của Trường, bao gồm 8 tuần học và 2 tuần thi.

2. Kế hoạch năm học được bắt đầu từ tháng 8 hằng năm và kết thúc vào 31/7 năm sau đối với tất cả các hình thức đào tạo, chương trình đào tạo. Kế hoạch

năm học được công bố kịp thời tới các đơn vị và cá nhân liên quan trước khi bắt đầu năm học.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khoá biểu được xây dựng theo lớp học phần, bao gồm: Ngày tháng, năm, giờ, địa điểm thực hiện, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khoá biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

5. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy được áp dụng cụ thể cho từng hình thức đào tạo. Thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của Trường.

6. Căn cứ kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của chương trình đào tạo, sinh viên tự xây dựng kế hoạch học tập theo từng học kỳ, đăng ký học tập để có thời khoá biểu cá nhân từng kỳ học đảm bảo tiến độ học tập của toàn khóa.

7. Đối với các lớp, các khoá đào tạo theo phương thức niên chế, kế hoạch giảng dạy năm học được xây dựng theo năm học và kỳ học. Một năm học gồm 02 (hai) học kỳ chính và 01 (một) học kỳ phụ. Mỗi kỳ học 5 tháng, các lớp, các khoá học được bố trí học theo các phương thức khác nhau để tạo điều kiện cho sinh viên và đơn vị liên kết đào tạo thực hiện được kế hoạch giảng dạy và học tập: Học 15 ngày đầu tháng; 15 ngày cuối tháng; học tối thứ Sáu và cả ngày thứ Bảy, Chủ nhật; học các buổi tối trong tuần từ thứ Hai đến thứ Bảy.

Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại cơ sở đào tạo của Trường hoặc cơ sở liên kết đào tạo. Những hoạt động thực tập, thực hành, trải nghiệm thực tế được thực hiện ngoài cơ sở đào tạo của Trường, ngoài cơ sở liên kết đào tạo.

Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy được bố trí linh hoạt trong ngày và trong tuần theo quy định của Trường và theo đề xuất của đơn vị liên kết đào tạo.

Điều 7. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Lớp sinh viên bao gồm các sinh viên cùng một ngành học, được tổ chức theo khóa tuyển sinh, theo chuyên ngành đào tạo và được duy trì ổn định trong cả khóa học. Đại diện lớp sinh viên là ban cán sự lớp. Phụ trách lớp sinh viên là Cố vấn học tập (kiêm Chủ nhiệm lớp). Mỗi lớp sinh viên có một mã số riêng theo quy định của Trường. Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của Cố vấn học tập do Hiệu trưởng quy định.

2. Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một học phần, có cùng thời khoá biểu của học phần trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp học phần được ký hiệu một mã số riêng. Số lượng sinh viên của một lớp học phần được sắp xếp theo các yêu cầu đặc thù của học phần.

Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần là:

a. Đối với các lớp học phần của các chương trình đào tạo: Ít nhất 60 sinh viên đối với học phần bắt buộc, 20 sinh viên đối với học phần ngoại ngữ, tin học; học phần tự chọn;

b. Đối với các lớp học phần thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao: 20 sinh viên đối với học phần bắt buộc, 10 sinh viên đối với học phần tự chọn;

c. Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này, việc mở lớp học phần trong những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

3. Dạy và học trực tuyến:

a. Trường tổ chức các lớp học theo phương thức trực tuyến. Chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học theo phương thức trực tiếp; Trường đáp ứng các Quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo trực tuyến qua mạng với các giải pháp bảo đảm chất lượng đào tạo.

b. Đối với hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến (bao gồm phần lý thuyết và seminar). Quy định này không áp dụng trong các trường hợp do thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác mà không thể thực hiện được việc giảng dạy theo phương thức trực tiếp.

c. Công tác giảng dạy và học tập trực tuyến theo quy định của Trường. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác Trường sẽ tổ chức lớp học phương thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 8. Tổ chức đăng ký học tập

1. Hàng năm trước khi bắt đầu học kỳ học 02 tháng, Trường thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường lịch trình học dự kiến trong học kỳ tới, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, đề cương chi tiết học phần, quy trình, thủ tục và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, hình thức thi đối với các học phần. Bộ môn công khai lịch và hình thức đánh giá điểm thành phần trong đề cương chi tiết học phần.

Trường tổ chức đăng ký học phần theo kế hoạch chung cho 2 kỳ học vào tháng 4, và tháng 11 trong tổng thời gian 01 tháng cho sinh viên các khoá đăng ký tín chỉ. Để chuẩn bị kế hoạch học cho mỗi học kỳ, sinh viên phải tiến hành đăng ký học theo các thông báo của Trường về đăng ký khối lượng học tập. Sinh

th

viên học theo tín chỉ phải đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: Những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được tổ chức giảng dạy trong kỳ học và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

2. Để đảm bảo có đủ thời gian hoàn tất khối lượng học tập, sinh viên đăng ký tối thiểu và tối đa số tín chỉ trong mỗi học kỳ (không kể học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất) như sau:

- Khối lượng đăng ký tín chỉ tối thiểu không ít hơn $2/3$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá;

- Khối lượng đăng ký tín chỉ tối đa không vượt quá $3/2$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá.

Trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng có thể cho phép sinh viên đăng ký vượt quá 23 tín chỉ. Trường quy định các quy trình, thủ tục, tổ chức quản lý việc đăng ký tín chỉ, lưu trữ việc đăng ký của sinh viên ở mỗi học kỳ, việc rút bớt học phần đã đăng ký theo thông báo cụ thể tại mỗi đợt đăng ký học.

3. Sinh viên đang trong thời gian xếp hạng học lực Yếu được đăng ký tối thiểu 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khoá.

4. Trong học kỳ phụ, sinh viên đăng ký học phần theo khả năng và điều kiện mở lớp của Trường.

5. Sinh viên học theo niên chế đăng ký học lại những học phần chưa đạt dự định sẽ học trong học kỳ, đăng ký học cải thiện điểm hoặc đăng ký học những học phần tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo.

Điều 9. Rút bớt học phần đã đăng ký


1. Sau thời gian đăng ký học, nếu sinh viên thấy không thể hoàn thành khối lượng học tập đã đăng ký thì có thể làm đơn xin rút bớt học phần đăng ký.

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính (nhưng không muộn quá 3 tuần kể từ đầu học kỳ chính), sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ (nhưng không muộn quá 2 tuần kể từ đầu học kỳ phụ).

Trường hợp sinh viên không làm đơn xin rút học phần đăng ký trong thời hạn nêu trên thì học phần vẫn được giữ nguyên trong phần đăng ký học; nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F. Học phần đã rút thì không tính điểm, nhưng vẫn phải tính học phí và được ghi chú trong hồ sơ học tập của sinh viên.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

- Sinh viên làm đơn (theo mẫu) gửi Phòng Đào tạo đại học;

- Được Phòng Đào tạo đại học phê duyệt; 

- Không vi phạm khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi Phòng Đào tạo đại học phê duyệt rút bớt học phần đã đăng ký.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 10. Đánh giá học phần

1. Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận theo các trọng số nhất định. Tùy từng loại học phần, các điểm đánh giá bộ phận được thực hiện dưới hình thức: Điểm đánh giá mức độ nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; Điểm bài tập nhóm hoặc bài tập cá nhân (kiểm tra tại lớp); Điểm thi kết thúc học phần. Bộ môn chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện việc kiểm tra, đánh giá.

2. Đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ, chỉ có một điểm đánh giá là điểm bài tập nhóm hoặc điểm thi kết thúc học phần có trọng số 100%.

3. Đối với các học phần có khối lượng từ 02 tín chỉ trở lên, điểm học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận theo các trọng số sau đây:

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận có trọng số 10%;
- Điểm bài tập nhóm hoặc điểm bài tập cá nhân có trọng số 30%;
- Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%.

4. Căn cứ quy định tại các khoản 1, 2, 3 của Điều này, Bộ môn chuyên môn quy định chi tiết phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10.

5. Đối với các học phần có điểm thi kết thúc học phần được tổ chức đánh giá bằng hình thức trực tuyến thì điểm học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận theo các trọng số sau đây:

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận có trọng số 10%;
- Điểm bài tập nhóm hoặc điểm bài tập cá nhân có trọng số 40%;
- Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 50%.

6. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không). Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt thi, đánh giá khác và được tính điểm thi, đánh giá lần đầu.

Điều 11. Phương thức đánh giá học phần

1. Các yêu cầu về nội dung, hình thức, cách chấm điểm bài tập do bộ môn quyết định và được mô tả trong Đề cương chi tiết học phần. Việc chấm bài tập do giảng viên thực hiện theo phân công của Trưởng bộ môn. Mỗi loại bài tập chỉ được đánh giá 1 lần, các bài tập được thu trong giờ thảo luận. Thời hạn nộp bài tập nhóm được thông báo trong Đề cương chi tiết học phần.

2. Đối với bài tập cá nhân: Bộ môn chủ động trong việc ra đề, chấm thi theo quy định. Bộ môn lựa chọn phương thức kiểm tra trên lớp hoặc viết báo cáo/đánh giá, nhận xét... sau khi sinh viên tham gia hoạt động trải nghiệm thực tế.

3. Đối với bài tập nhóm, một trong hai giảng viên đã chấm bài tập có trách nhiệm tổ chức cho nhóm sinh viên thuyết trình trong giờ thảo luận theo lịch trình do Bộ môn chuyên môn phân công. Điểm chính thức chung của nhóm do giảng viên nghe thuyết trình quyết định dựa trên kết quả thuyết trình của nhóm sinh viên (có thể cao hoặc thấp hơn bài viết 2 điểm dựa trên kết quả thuyết trình).

Điểm của mỗi sinh viên trong nhóm được xác định như sau:

- Sinh viên không tham gia làm bài tập của nhóm thì bị điểm 0 (không).
- Sinh viên có tham gia làm bài tập của nhóm nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng tại buổi thuyết trình sẽ bị trừ 50% số điểm.
- Sinh viên có tham gia làm bài tập của nhóm nhưng vắng mặt có lý do chính đáng được giữ nguyên điểm chính thức chung của nhóm.
- Căn cứ vào điểm chính thức chung của nhóm và mức độ tham gia tích cực của từng sinh viên (được xếp theo các mức A, B, C do nhóm sinh viên tự xác định và được ghi trong biên bản đánh giá kết quả học tập của nhóm), giảng viên nghe thuyết trình bài tập nhóm quyết định điểm đối với từng sinh viên theo nguyên tắc đảm bảo tổng điểm của cả nhóm không cao hơn so với tổng điểm của những người tham gia có điểm bài tập nhóm.

4. Đối với việc tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

- a. Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;
- b. Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;
- c. Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

Điều 12. Xử lý các hiện tượng bất thường trong đánh giá học phần

1. Nếu phát hiện các bài thi kết học phần được sao chép thì giảng viên chấm bài xử lý theo các mức sau đây:

a. Bài học phần sao chép đến 50% bị trừ $\frac{1}{2}$ tổng số điểm;

b. Bài học phần sao chép trên 50% bị điểm 0 (không).

2. Đối với bài tập nhóm, nếu phát hiện sinh viên sử dụng tài liệu đã công bố mà không chú dẫn theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì giảng viên chấm bài học phần không cho điểm phần vi phạm.

Điều 13. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá các loại bài tập và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng và được làm tròn tới một chữ số thập phân theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 10 Quy chế này. Điểm học phần được quy đổi thành điểm số theo thang điểm 4 như sau:

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm số	Điểm chữ
Đạt	Từ 9,5 đến 10	4,0	A+
	Từ 8,5 đến 9,4	3,7	A
	Từ 8,0 đến 8,4	3,5	B+
	Từ 7,0 đến 7,9	3,0	B
	Từ 6,5 đến 6,9	2,5	C+
	Từ 5,5 đến 6,4	2,0	C
	Từ 5,0 đến 5,4	1,5	D+
	Từ 4,0 đến 4,9	1,0	D
Không đạt	Dưới 4,0	0	F

3. Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

4. Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu; *ff*

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

5. Đối với những học phần được Trường cho phép chuyển điểm từ trường khác đến (bảo lưu kết quả học tập), khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

6. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a. Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc bị tai nạn hoặc vì lý do đặc biệt khác không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa có môn thi cho phép;

b. Sinh viên không thể dự kiểm tra thành phần hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa có môn thi chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra thành phần còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

7. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo đại học của Trường chưa nhận được tổng hợp kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyên môn.

8. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a. Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A+; A; B+; B; C+; C; D+; D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để sinh viên học vượt.

b. Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

9. Điểm thi kết thúc học phần là điểm số được đánh giá theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân; điểm số dưới 5.0 (D) đối với học phần thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp (gọi chung là học phần tốt nghiệp) và điểm số dưới 4.0 (F) đối với các học phần khác được coi là điểm liệt; Trường hợp không dự thi đúng lịch thi đã ấn định và không có lý do chính đáng thì điểm thi là điểm 0 (không).

10. Học lại, thi và học cải thiện điểm:

a. Sinh viên có điểm học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại theo quy định tại điểm c, d khoản 2 điều 3 của Quy chế này; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

HA

b. Sinh viên có điểm học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức theo quy định trong chương trình đào tạo.

c. Sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D, D+ (từ 4,0 đến 5,4) để học cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Kết quả cao nhất trong các lần thi sẽ được chọn để tính điểm trung bình chung tích lũy.

d. Sinh viên được phép thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt; trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức điểm C⁺.

Điều 14. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Đối với học phần giảng dạy trong 5 tuần, Trường tổ chức thi kết thúc học phần sau khi học phần đó được thực hiện xong tại đợt thi giữa học kỳ. Đối với học phần giảng dạy trong 15 tuần, Trường tổ chức thi tại kỳ thi chính ở cuối mỗi học kỳ.

2. Thời gian ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất 2/3 ngày cho một tín chỉ. Lịch thi được thông báo công khai trước kỳ thi.

3. Sau khi kết thúc kỳ thi chính, Trường có thể tổ chức một kỳ thi phụ cho sinh viên tại kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là 02 tuần sau kỳ thi chính.

4. Các công tác chuẩn bị kỳ thi, tổ chức coi thi, chấm thi, phúc khảo, quản lý kết quả thi, công tác thanh tra, xử lý sự cố bất thường và xử lý vi phạm thi được thực hiện theo quy chế tổ chức thi kết thúc học phần cho các trình độ đại học của Trường.

5. Điều kiện để sinh viên được dự thi kết thúc học phần:

- Tham gia từ 75% số giờ quy định trở lên cho từng phần lý thuyết hoặc seminar;

- Không có bài tập nhóm hoặc bài tập cá nhân bị điểm 0 (không) đối với các học phần có khối lượng từ 2 tín chỉ trở lên.

6. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm 0 (không).

Điều 15. Nghỉ ốm, hoãn thi

1. Sinh viên nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong kỳ thi phải viết đơn xin phép gửi Trưởng phòng Công tác sinh viên trong thời hạn một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế từ cấp quận, huyện hoặc tương

đương trở lên. Sinh viên nghỉ vì lý do khác phải có minh chứng về lý do chính đáng.

2. Sinh viên đủ điều kiện dự thi và có lý do chính đáng không thể tham dự thi kết thúc học phần được quyền hoãn thi. Đơn xin hoãn thi phải được gửi Trưởng khoa quản lý môn thi trước hoặc đúng ngày thi. Trường hợp đặc biệt không thể gửi đơn đúng hạn nêu trên, sinh viên gửi đơn hoãn thi tới Trưởng khoa quản lý môn thi trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày thi.

3. Sinh viên được hoãn thi phải dự thi ngay trong kỳ thi kế tiếp và kết quả thi được tính là điểm thi lần đầu. Trường hợp tiếp tục hoãn thi, sinh viên phải làm đơn xin thi gửi Phòng Đào tạo đại học (kèm đơn hoãn thi đã được duyệt) để được phép dự thi lần 2 tại các kỳ thi học phần trong học kỳ kế tiếp nhưng không quá 1 năm học kể từ lần hoãn thi lần thứ nhất. Quá thời hạn này, sinh viên phải học lại học phần đã hoãn thi, trừ trường hợp trong thời gian đó Trường không tổ chức thi đối với học phần sinh viên hoãn.

Điều 16. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a. Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

b. Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

c. Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Theo thang điểm 4:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

3. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- a. Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- b. Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- c. Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- d. Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;
- đ. Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

4. Đối với các lớp, các khoá theo phương thức đào tạo niên chế được tính điểm trung bình dựa trên điểm học phần theo thang điểm 10, không quy đổi các điểm chữ về thang điểm 4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

5. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất và xét theo thang điểm 4. Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên, xét làm khoá luận tốt nghiệp, cảnh báo học tập và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Điều 17. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Kết quả học tập được đánh giá vào cuối mỗi học kỳ chính để xác định mức độ cảnh báo học tập với sinh viên có kết quả học tập yếu kém, được quy định dựa trên một số điều kiện sau:

a. Nâng một mức cảnh báo học tập đối với sinh viên có số tín chỉ không đạt trong học kỳ lớn hơn 8 tín chỉ.

Nâng hai mức cảnh báo học tập đối với sinh viên có số tín chỉ không đạt trong học kỳ lớn hơn 16 tín chỉ hoặc tự ý bỏ học, không đăng ký học tập.

Áp dụng cảnh báo học tập mức 3 đối với sinh viên có số tín chỉ nợ từ đầu khóa học lớn hơn 24 tín chỉ.

98

Sinh viên đang bị cảnh báo học tập, nếu số tín chỉ không đạt trong học kỳ bằng hoặc nhỏ hơn 4 tín chỉ thì được hạ một mức cảnh báo học tập.

Không xem xét cảnh báo học tập với học kỳ phụ.

b. Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c. Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba, dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a. Số lần cảnh báo học tập hoặc mức cảnh báo học tập vượt quá giới hạn theo quy định của trường và vượt quá 2 lần cảnh báo liên tiếp;

b. Thời gian học tập vượt quá thời hạn tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên đã bị buộc thôi học được cấp chứng nhận với các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo. Các học phần đã tích lũy sẽ được xem xét công nhận khi sinh viên trúng tuyển trở lại vào Trường hoặc chuyển sang hình thức đào tạo vừa làm vừa học trong khoảng thời gian 05 năm kể từ thời điểm bị buộc thôi học.

Điều 18. Xử lý kết quả học tập theo niên chế

1. Kết thúc năm học, sinh viên được đánh giá đạt tiến độ học tập bình thường và được học tiếp lên năm học sau nếu đạt cả hai điều kiện sau:

a. Điểm trung bình năm học đạt từ 1,0 trở lên đối với năm học thứ nhất, từ 1,2 trở lên đối với năm học thứ hai và từ 1,4 trở lên đối với năm thứ ba trở đi;

b. Số tín chỉ sinh viên còn nợ từ đầu khoá học không vượt quá 16 tín chỉ.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a. Điểm trung bình năm học đạt dưới 0,8;

b. Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 sau hai năm học, dưới 1,4 sau ba năm học và dưới 1,6 từ sau bốn năm học trở đi;

c. Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Quy chế này.

3. Sinh viên không thuộc diện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xếp lớp học cùng khoá sau để cải thiện kết quả học tập.

4. Mức độ cảnh báo học tập đối với sinh viên có kết quả học tập yếu, kém được quy định như sau:

th

- a. Điểm trung bình năm học đạt từ 0,8 đến dưới 1,0 đối với năm học thứ nhất;
- b. Điểm trung bình tích lũy đạt 1,2 sau hai năm học; đạt 1,4 sau ba năm học và đạt 1,6 từ sau 4 năm học trở đi.
- c. Thời gian học tập vượt quá thời hạn cho phép theo quy định tại khoản 4 Điều 2 quy chế này.
- d. Sinh viên tự ý bỏ học và không đăng ký học tập.

Không xem xét cảnh báo học tập đối với sinh viên đăng ký học tại học kỳ phụ.

5. Sinh viên đã bị buộc thôi học được cấp chứng nhận với các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo, các học phần đã tích lũy sẽ được xem xét công nhận khi sinh viên trúng tuyển trở lại vào học tại Trường trong khoảng thời gian 05 năm kể từ thời điểm bị buộc thôi học.

Chương IV

THỰC TẬP CHUYÊN MÔN, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 19. Thực tập chuyên môn

1. Thực tập chuyên môn được coi là một học phần bắt buộc, có khối lượng bằng 7 tín chỉ (tương đương 350 giờ thực tập tại cơ sở). Sinh viên đăng ký thực tập trên công đăng ký học trực tuyến của Trường. Báo cáo thực tập thuộc chuyên môn của bộ môn nào, bộ môn đó có trách nhiệm đánh giá kết quả thực tập theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Sinh viên đã tích lũy đủ 60 tín chỉ và đáp ứng một số điều kiện của Trường theo quy định sẽ được đăng ký thực tập chuyên môn. Trường sắp xếp kế hoạch học tập và thực tập chuyên môn cho sinh viên.

3. Kết quả thực tập được thể hiện trong Nhật ký thực tập (theo mẫu chung của Trường) và Báo cáo thực tập, trong đó:

- a. Điểm chuyên cần (Nhật ký thực tập): 30%;
- b. Điểm chuyên môn (Báo cáo thực tập): 70%.

4. Sinh viên đã đăng ký thực tập chuyên môn nhưng điểm đánh giá học phần thực tập không đạt phải đăng ký lại học phần thực tập chuyên môn.

Điều 20. Khóa luận tốt nghiệp

1. Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) là một học phần có khối lượng kiến thức tương đương 9 tín chỉ. Sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường được quyền đăng ký viết KLTN. Thời gian viết KLTN tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày bắt đầu viết KLTN theo kế hoạch viết KLTN của Trường. *HL*

2. Điều kiện đăng ký viết khoá luận tốt nghiệp:

- a. Tính đến thời điểm xét viết KLTN, sinh viên không đang trong thời gian chấp hành hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;
- b. Sinh viên đã tích lũy từ 90 tín chỉ trở lên;
- c. Điểm trung bình chung học tập tối thiểu đạt từ 3,0 điểm (thang điểm 4) trở lên;
- d. Điểm của học phần viết KLTN tối thiểu đạt từ 3,0 điểm (thang điểm 4) trở lên và không dưới điểm tối thiểu do khoa chuyên môn có học phần đó quyết định.

đ. Các trường hợp đặc biệt không đáp ứng điều kiện được quy định tại điểm c, d khoản 2 điều này, việc cho phép sinh viên viết khoá luận tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định.

3. Trình tự đăng ký viết KLTN

- a. Sinh viên đăng ký viết KLTN tại công đăng ký học trực tuyến của Trường;
- b. Sinh viên đăng ký đề tài KLTN tại khoa chuyên môn;
- c. Sinh viên thực hiện các vấn đề khác về KLTN theo quy định của Trường.

4. Đối với sinh viên không viết KLTN:

Sinh viên không viết KLTN phải đăng ký học thêm một số học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với tổng khối lượng tối thiểu 9 tín chỉ.

Điều 21. Tổ chức bảo vệ khoá luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng chấm KLTN thông qua hình thức tổ chức bảo vệ KLTN.

2. Kết quả tổ chức bảo vệ KLTN được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp KLTN.

3. Điểm KLTN được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học;

4. Sinh viên đã đăng ký viết KLTN nhưng hủy việc đăng ký hoặc điểm KLTN được đánh giá không đạt (điểm F) không được đăng ký lại viết KLTN và phải đăng ký học thêm một số học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo với tổng khối lượng quy định cho KLTN.

Điều 22. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

Handwritten mark

1. Hàng năm, Trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên các khóa hình thức đào tạo đại học vào tháng 4, tháng 6 và tháng 10. Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thực tế, Hiệu trưởng có thể xem xét quyết định việc xét công nhận tốt nghiệp vào thời điểm thích hợp. Những sinh viên có nhu cầu xét công nhận tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với tiến độ của khóa học làm đơn nộp tại Phòng Đào tạo đại học và khoa quản lý sinh viên trong tuần đầu của tháng xét tốt nghiệp.

2. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, bao gồm cả các học phần thuộc chương trình môn học giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng-an ninh, đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ của chương trình đào tạo;

b. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

3. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ với Trường.

4. Hạng tốt nghiệp được xác định đối với từng hình thức đào tạo như sau:

a. Đối với hình thức đào tạo theo tín chỉ, căn cứ vào điểm trung bình chung (TBC) tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này. Cụ thể: Từ 3,60 đến 4,00: Loại Xuất sắc; Từ 3,20 đến 3,59: Loại Giỏi; Từ 2,50 đến 3,19: Loại Khá; Từ 2,00 đến 2,49: Loại Trung bình.

b. Đối với hình thức đào tạo theo niên chế, căn cứ vào điểm TBC tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 4 Điều 16 của Quy chế này. Cụ thể: Từ 9,0 đến 10,0: Loại Xuất sắc; Từ 8,0 đến cận 9,0: Loại Giỏi; Từ 7,0 đến cận 8,0: Loại Khá; Từ 5,0 đến cận 7,0: Loại Trung bình.

5. Hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại Xuất sắc và Giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Khối lượng của các học phần phải học lại, thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình đào tạo của khóa học;

b. Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

6. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

7. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 23. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần có cùng tên gọi, cùng nội dung, cùng khối lượng số tín chỉ trong chương trình đào tạo của ngành đang theo học.

2. Các đơn vị chuyên môn và các phòng chức năng của Trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a. Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b. Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c. Công nhận, chuyển đổi theo chương trình đào tạo.

3. Trường công khai quy định việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

Điều 24. Nghỉ học tạm thời, xin thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a. Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b. Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c. Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d. Vì lý do cá nhân khác nhưng phải học tối thiểu 01 học kỳ có điểm trung bình chung học kỳ từ 2.0 trở lên và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời điểm sinh viên xin nghỉ học tạm thời không muộn quá 3 tuần kể từ đầu học kỳ. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này.



3. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật, những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển sinh đầu vào như những thí sinh khác.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời và khi muốn trở lại học tiếp, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo đại học) ít nhất 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới. Sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học theo điểm a, khoản 1 Điều này phải nộp kèm theo giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ.

5. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân phải làm đơn gửi Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo đại học). Hiệu trưởng xem xét, ra quyết định cho sinh viên thôi học.

Điều 25. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học, chọn đi học nước ngoài

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc cơ sở đào tạo của Trường, Phân hiệu của Trường, hoặc từ cơ sở đào tạo của Trường, Phân hiệu của Trường về trụ sở chính của Trường khi có đủ các điều kiện sau:

a. Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, sinh viên không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này;

b. Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, của trụ sở chính (hoặc Phân hiệu) trong cùng khóa tuyển sinh hoặc sinh viên đạt học lực loại Giỏi và đạt điểm rèn luyện từ loại Tốt trở lên;

c. Cơ sở đào tạo, trụ sở chính (hoặc Phân hiệu) có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách Phân hiệu, người phụ trách cơ sở đào tạo (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Hiệu trưởng.

2. Đối với trường hợp sinh viên có điều kiện hoàn cảnh cá nhân đặc biệt cần phải chuyển học để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc hoàn thành khóa học: Sinh viên sẽ được xem xét chuyển sang học gửi từ trụ sở chính của Trường về cơ sở đào tạo của Trường, về Phân hiệu của Trường hoặc từ cơ sở đào tạo của Trường, từ Phân hiệu của Trường về trụ sở chính của Trường khi có học lực loại khá, điểm rèn luyện từ loại khá trở lên và có đủ các điều kiện tại điểm a, c, d của khoản 1 điều này. *HA*

Sinh viên được học gửi tại trụ sở chính hoặc cơ sở đào tạo hoặc phân hiệu của Trường từ năm học thứ hai, đến kỳ cuối của khóa học sinh viên sẽ phải quay trở lại cơ sở đào tạo/Phân hiệu của Trường để tham gia học tập, hoàn thành chương trình của ngành học, khóa học và xét công nhận tốt nghiệp.

3. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a. Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, sinh viên không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này;

b. Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c. Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

4. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học của cơ sở đào tạo nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức đào tạo chuyển đến.

5. Sinh viên xin chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học phải làm hồ sơ xin chuyển theo quy định của Trường; Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, công nhận các học phần hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh các chương trình đào tạo.

6. Sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập có thể được chọn đi học ở nước ngoài nếu đáp ứng được các điều kiện tuyển chọn theo Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nước tiếp nhận theo từng lần tuyển chọn. Chỉ tiêu và điều kiện tuyển chọn được Trường thông báo công khai cho sinh viên biết. Nếu số sinh viên đáp ứng các điều kiện tuyển chọn lớn hơn chỉ tiêu cho phép thì việc tuyển chọn được tiến hành theo nguyên tắc đáp ứng các điều kiện tuyển chọn từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu.

Điều 26. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

1. Trường xây dựng và ban hành quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ làm căn cứ cho phép sinh viên của Trường được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

Handwritten signature

2. Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của Trường có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác, nếu được Hiệu trưởng của hai cơ sở đào tạo đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của mỗi chương trình đào tạo.

3. Trong hợp tác đào tạo giữa các cơ sở đào tạo, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

Điều 27. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của Trường cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau và các điều kiện khác của Trường:

a. Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại Khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b. Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại Trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

6. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 28. Học liên thông đối với người có văn bằng khác

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế của Trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác và hình thức đào tạo mà sinh viên lựa chọn.

3. Sinh viên liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

Điều 29. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có hành vi gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Trường, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Sinh viên sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân có liên quan cần phản ánh kịp thời về Phòng Đào tạo đại học để tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

2. Phòng Đào tạo đại học có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này. /.